

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DSST
Ngày 22 tháng 9 năm 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tôn Thiết

Bà Vũ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Ông Đặng Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường,
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 18/2020/TLST- DS ngày 21 tháng
02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 54/2020/QĐXX- ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

2.Bị đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/12/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và bà Đặng Thị M là người cùng thôn hai bên không có mâu thuẫn gì, bà M có nhu cầu làm ăn nên hỏi vay tiền của bà nhiều lần, theo giấy cho vay tiền thì ngày 25/11/2014 âm lịch tức ngày 15/01/2015 dương lịch bà cho bà M vay 40.000.000đ lãi suất là 1,5%/tháng. Tiếp

đến ngày 25/03/2016 âm lịch tức ngày 01/5/2016 dương lịch bà M vay thêm của bà 10.000.000đ lãi suất 1,5%/tháng, ngày 20/9/2016 âm lịch tức ngày 20/10/2016 dương lịch bà M lại vay thêm của bà 20.000.000đ lãi suất 1,5%/tháng. Về lãi suất tại thời điểm đó mọi người dân ở trong thôn của bà đều cho nhau vay là 2%/tháng, mặt khác tại Ngân hàng nông nghiệp và Ngân hàng Công thương lúc bấy giờ cho người dân vay lãi suất cao khoảng 1,8%/tháng, nên bà và bà M tự thoả thuận với nhau mức lãi suất là 1,5%/ tháng khi vay hai bên có viết giấy cho nhau vay tiền tổng cộng là 70.000.000đ tiền gốc.

Việc trả tiền lãi của bà M theo từng tháng và bà M tự đem tiền xuống nhà để trả cho bà vào ngày 25 âm lịch. Đối với khoản tiền vay 40.000.00đ có tháng bà M đưa cho bà 600.000đ có lần gộp vài tháng đưa một thẻ không ghi giấy tờ gì vì chị em tin tưởng nhau. Số tiền lãi bà M đã trả cho bà được bao nhiêu thì bà không nhớ vì không cộng và các bên cũng không ghi giấy tờ gì. Đối với khoản vay 20.000.000đ có tháng bà M đưa cho bà 300.000đ và khoản tiền lãi của khoản vay 40.000.000đ trước đó, sau đó đưa gộp vài tháng đưa một thẻ của 02 khoản vay cũng không có giấy tờ gì. Số tiền lãi bà M đã trả cho bà được bao nhiêu thì bà không nhớ vì không cộng và các bên cũng không ghi giấy tờ gì. Đối với khoản vay 10.000.000đ có tháng bà M đưa cho bà 150.000đ, bà M đã trả cho bà bao nhiêu tiền lãi bà không nhớ vì không cộng và hai bên không ghi giấy tờ gì. Khi bà M vay khoản thứ hai và khoản thứ ba thì số tiền lãi bị lẻ đi, vì không tính tròn lãi mà tính số ngày vay (do các ngày vay khác nhau nên số ngày tính lãi cũng khác nhau). Có tháng bà M trả cho bà 1.000.000đ lúc thì 800.000đ có tháng cộng dồn thì đưa 2.000.000đ cho tổng ba khoản vay, ngày trả cũng không cố định mặc dù thoả thuận miệng là ngày 25 âm lịch hàng tháng nhưng khi gia đình có việc bận thì điện cho nhau và hẹn vào ngày khác. Bà M đã trả tiền lãi cho bà đến ngày 25/9/2017 âm lịch tức ngày 13/11/2017 dương lịch sau đó thì không trả nữa, bà đến nhà bà M đòi tiền nhiều lần nhưng bà M cũng không trả và xin khất nợ. Bà nói với bà M “nếu mỗi tháng bà trả cho tôi 2.000.000đ thì tôi chỉ lấy tiền gốc và không yêu cầu bà trả tiền lãi nữa”, nhưng bà M cũng không trả nên bà mới làm đơn khởi kiện. Số tiền bà cho bà M vay là tiền riêng của bà tích cóp mà có không liên quan gì đến chồng và các con của bà. Thực tế bà cũng không nhớ đã nhận của bà M bao nhiêu tiền lãi vì thời gian đã quá lâu và khi bà M trả tiền cũng không có giấy tờ gì. Nay bà đề nghị Toà

án giải quyết buộc bà M phải trả cho bà 70.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 14/11/2017 dương lịch đến nay là 34 tháng 8 ngày) bằng 35.980.000đ, ngoài ra bà Mai còn phải trả tiếp số tiền lãi cho bà đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị M vắng mặt nhưng theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020 bà M trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị H từ nhiều năm trước nhưng không nhớ từ thời điểm nào tổng cộng là 70.000.000đ tiền gốc, khi vay hai bên có viết giấy cho vay tiền lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, chữ ký trong giấy cho vay tiền đúng là chữ của bà. Thời hạn vay các lần không thỏa thuận và không lấy tài sản gì đảm bảo cho khoản vay, bà vay số tiền trên để sử dụng vào việc cá nhân không có liên quan gì đến chồng và các con của bà. Sau khi vay tiền của bà H bà đã trả tiền lãi cho bà H được một thời gian, đến khi bà đi mở mắt thì không trả tiền lãi cho bà H được nữa kể từ tháng 10/2017. Bà đi làm thuê cho em gái ở xã Hợp Thịnh nên nhiều lần Tòa án gửi giấy triệu tập, thông báo thụ lý, quyết định ra hạn xét xử và các giấy tờ liên quan khác bà đều nhận được nhưng do bận đi làm nên bà không đến Tòa án làm việc. Nay bà H yêu cầu bà trả số tiền gốc 70.000.000đ bà đồng ý và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ, còn tiền lãi thì cho bà xin vì kinh tế gia đình khó khăn do công việc bận nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 169, 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 357, 463, 466, 468, 469 điểm c khoản 1 Điều 2, điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hậu.

Buộc bà Đặng Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc còn lại sau khi đã khấu trừ khoản tiền lãi mà bà M đã trả cho bà H vượt quá quy định của pháp luật vào khoản tiền gốc bà M đã vay của bà H tại thời điểm trả lãi tính đến ngày 31/12/2016. Buộc bà M phải trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc còn lại (sau khi đã khấu trừ khoản tiền lãi mà bà M đã trả cho bà H vượt quá quy định của pháp luật vào khoản tiền gốc mà bà M đã vay của bà H tại thời điểm trả lãi tính đến ngày

31/12/2016) cho bà H kể từ ngày 14/11/2017 cho đến khi tất toán toàn bộ nợ gốc với lãi suất 1,5%/ tháng nhưng được trừ số tiền lãi mà bà M đã trả thừa cho bà H kể từ ngày 01/01/2017 cho đến khi không trả lãi nữa (ngày 08/11/2017 và 13/11/2017).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Về sự vắng mặt của bà Đặng Thị M đã có lời khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà Nguyễn Thị H và bà Đặng Thị M.

[3]. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Tuy bà M vắng mặt nhưng căn cứ vào giấy cho vay tiền ngày 25/11/2014 âm lịch tức ngày 15/01/2015 dương lịch, ngày 25/3/2016 âm lịch tức ngày 01/5/2016 dương lịch, ngày 20/9/2016 âm lịch tức ngày 20/10/2016 dương lịch thì bà Đặng Thị M có vay tiền nhiều lần (ba lần) của bà Nguyễn Thị H tổng cộng 70.000.000đ. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng vay không có thời hạn, mục đích vay để sử dụng vào việc cá nhân, hình thức vay không phải thế chấp tài sản việc vay trên là hợp pháp. Sau khi vay tiền bà M đã trả được tiền lãi cho bà H tính đến ngày 25/9/2017 âm lịch tức ngày 13/11/2017 dương lịch, số tiền là bao nhiêu thì bà H và bà M cũng không nhớ được vì khi trả không có giấy tờ gì. Còn từ ngày 14/11/2017 đến nay bà M không trả tiền lãi cho bà H và xin khất nợ là do kinh tế gia đình bà khó khăn, như vậy bà M đã vi phạm cam kết về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nên bà H khởi kiện yêu cầu bà M phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi mỗi tháng 1,5% kể từ ngày 14/11/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đề nghị buộc bà M phải trả cho bà H số tiền nợ gốc còn lại sau khi đã khấu trừ khoản tiền lãi mà bà M đã trả cho bà H vượt quá quy định của pháp luật vào khoản tiền gốc bà M đã vay của bà H tại thời điểm trả lãi tính đến ngày 31/12/2016. Buộc bà M phải trả lãi phát sinh

của số tiền nợ gốc còn lại (sau khi đã khấu trừ khoản tiền lãi mà bà M đã trả cho bà H vượt quá quy định của pháp luật vào khoản tiền gốc mà bà M đã vay của bà H tại thời điểm trả lãi tính đến ngày 31/12/2016) cho bà H kể từ ngày 14/11/2017 cho đến khi tất toán toàn bộ nợ gốc với lãi suất 1,5%/ tháng nhưng được trừ số tiền lãi mà bà M đã trả thừa cho bà H kể từ ngày 01/01/2017 cho đến khi không trả lãi nữa (ngày 08/11/2017 và 13/11/2017). Hội đồng xét xử thấy, tuy bà M vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo giấy cho vay tiền, bản tự khai, biên bản lấy lời khai lưu trong hồ sơ thì bà M thừa nhận còn nợ bà H 70.000.000đ tiền gốc, số nợ này bà M vay để sử dụng vào việc cá nhân. Bà M đồng ý trả tiền cho bà H và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ nhưng không được bà H chấp nhận, vì vậy cần buộc bà M phải có trách nhiệm trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ gốc trên.

Đối với khoản tiền lãi mà bà M đã trả cho bà H kể từ ngày vay đến ngày 25/9/2017 âm lịch tức ngày 13/11/2017 dương lịch thì bản thân bà M cũng đồng ý và không có ý kiến gì đối với số tiền lãi mà bà đã trả cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo cho bà M biết toàn bộ nội dung bà H khởi kiện, nếu bà M có quan điểm gì khác đối với yêu cầu của bà H thì gửi về Toà án để làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng bà M cũng không có ý kiến gì. Như vậy việc bà M đã thoả thuận trả tiền lãi cho bà H như trong hợp đồng vay tài sản mà hai bên đã ký kết kể từ ngày vay đến ngày 25/9/2017 âm lịch tức ngày 13/11/2017 dương lịch là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà H đã thay đổi nội dung và cho rằng bà M có trả tiền lãi cho bà nhưng có tháng đủ có tháng thiếu (tháng thiếu thì tháng sau trả bù), có lúc gom vài tháng trả một lần và bà không nhớ đã nhận của bà M bao nhiêu tiền lãi vì khi trả hai bên cũng không có giấy tờ gì. Vì vậy không có căn cứ để khấu trừ khoản tiền lãi mà bà M đã trả cho bà H vượt quá quy định của pháp luật vào khoản tiền gốc bà M đã vay của bà H tại thời điểm trả lãi, thời gian khấu trừ khoản tiền lãi trả vượt quá được tính đến hết ngày 31/12/2016 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với việc bà H yêu cầu bà M phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày 22/9/2020 là 1,5%/tháng bà M xin khoản tiền lãi vì kinh tế gia đình khó khăn nhưng không được bà H chấp nhận. Xét thấy việc yêu cầu tính lãi

trên của bà H là có căn cứ phù hợp với sự thoả thuận của các bên và phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy khoản tiền lãi được tính từ ngày 14/11/2017 đến ngày 22/9/2020 là 34 tháng 08 ngày x 1,5%/tháng = 35.980.000đ. Vì vậy buộc bà M phải trả cho bà H số tiền gốc là 70.000.000đ và 35.980.000đ tiền lãi tổng cộng là 105.980.000đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.299.000 đồng (105.980.000đ x 5% = 5.299.000đ). Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166, 280, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Đặng Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị H 70.000.000đ tiền gốc và 35.980.000đ tiền lãi tổng cộng là 105.980.000đ (một trăm linh năm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà M không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Đặng Thị M phải chịu 5.299.000 đồng (năm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà H 2.463.000đ (hai triệu bốn trăm sáu ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004903 ngày 21/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình